

Bản án số: 12/2018/DSST

Ngày: 27/02/2018

V/v tranh chấp: “Đòi lại quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2016/TLST-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2016, về việc tranh chấp “Đòi lại quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2018/QĐDS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty cổ phần B.

Trụ sở: ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Hồng H - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy P - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty (văn bản ủy quyền số: 01/2016/GUQ-SAVIBECO-CT, ngày 01/4/2016). (có mặt)

*** Bị đơn:**

- Ông Trương Ngọc C; địa chỉ số 124E, ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ liên lạc tại ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

- Bà Dương Thị Hồng T; địa chỉ ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông (bà) Trương Ngọc Thanh T, Lê Thị Lan C, Trương Thị Thanh Đ và Trương Ngọc Thanh L; cùng cư trú ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (đều vắng mặt)
- Bà Trương Thị Thanh T; nơi cư trú ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; trụ sở chính đường H, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền số: 1568/UBND, ngày 24/4/2017). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/4/2016 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/8/2017 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Duy P đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Phần đất thuộc thửa 108, tờ bản đồ số 3, diện tích 447.401m², tọa lạc tại ấp T, xã N, thành phố V là do Công ty cổ phần Bthuê của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo Hợp đồng số: 16/HĐ/TĐ, ngày 18/4/2008; được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/12/2011.

Trong quá trình sử dụng đất thì hộ bà Dương Thị Hồng T và ông Trương Ngọc C là đối tượng thuộc diện giải tỏa trước thời điểm UBND tỉnh Vĩnh Long cho Công ty thuê đất không chịu di dời, ngang nhiên chiếm đất, xây dựng nhà ở và trồng cây ăn trái, hoa màu trên diện tích khoảng 6.896,2m².

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hộ ông C, bà T phải tháo dỡ công trình, vật kiến trúc và cây trồng di dời đi nơi khác trả lại diện tích đất 6.896,2m² cho nguyên đơn.

Tại bản khai ngày 23/7/2017, bị đơn Dương Thị Hồng T trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà nhận chuyển nhượng lại của bà Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị H và được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Vĩnh Long Chấp thuận số 125/CT.UBT, ngày 24/01/1995. Trong quá trình sử dụng đất, UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 3142/QĐ.UB, ngày 23/9/2003 về việc thu hồi đất để giao cho nhà máy Bia thuê. Căn cứ Điều 32 của Luật Đất đai năm 2003 quy định: “Việc quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi có quyết định thu hồi đất đó”, tuy nhiên, từ trước đến giờ bà chưa nhận được quyết định thu hồi đất, cho nên, việc UBND tỉnh Vĩnh Long ký hợp đồng cho Công ty B

thuê đất là trái pháp luật, dẫn đến việc cưỡng chế buộc bà tháo dỡ nhà cũng trái pháp luật.

Do đó, bà T yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty cổ phần B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Duy P đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo phát luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện nghiêm túc.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 17, Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai; Điều 27 Pháp lệnh số 10 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần B. Buộc hộ bà Dương Thị Hồng T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền trên phần đất tranh chấp diện tích đất 6.896,2m² thuộc thửa 108, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp T, xã N, thành phố V do Công ty cổ phần B đứng tên để trả lại hiện trạng đất cho Công ty. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và chi phí tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty cổ phần B khởi kiện ông Trương Ngọc C, bà Dương Thị Hồng T có hộ khẩu tại xã N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, yêu cầu buộc tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc và cây trồng trả lại đất cho Công ty. Do đó, đây là vụ án dân sự tranh chấp về “Đòi lại tài sản, quyền sử dụng đất” theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập bị đơn Trương Ngọc C, Dương Thị Hồng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Thị Thanh T, Trương Ngọc Thanh T, Lê Thị Lan C, Trương Thị Thanh Đ và Trương Ngọc Thanh L tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần B về việc buộc hộ ông Trương Ngọc C, bà Dương Thị Hồng T trả lại phần đất lấn chiếm 6.896,2m², đồng thời, tháo dỡ nhà, vật kiến trúc và toàn bộ cây trồng gắn liền trên đất đi nơi

khác, Hội đồng xét xử thấy: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do Công ty cổ phần B (gọi tắt là Công ty B) thuê của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (viết tắt UBND) theo Quyết định số: 339/QĐ-UBND, ngày 29/02/2008 về việc cho Công ty B thuê 452.705,4m² tại xã N, thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long và Hợp đồng thuê đất số: 16-HĐ/TĐ, ngày 18/4/2008, mục đích thuê làm cơ sở sản xuất kinh doanh; thời hạn thuê là 50 năm. Xét về nguồn gốc đất này, ngày 18/12/1998 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số: 1126/QĐ-TTg, về việc thành lập và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp B, tỉnh Vĩnh Long; xét thấy cần thiết phải sớm giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án, cho nên, UBND tỉnh Vĩnh Long đã chỉ đạo thành lập Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng. Sau đó, Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng đã tiến hành thực hiện việc đền bù thiệt hại như tuyên truyền, hướng dẫn kê khai,...cho các hộ dân bị giải phóng mặt bằng, trong đó có hộ bà T, nên bà T đại diện cho hộ gia đình đã kê khai các tài sản gắn liền trên phần đất bị giải phóng mặt bằng và đã ký vào Tờ kê khai và kiểm kê ngày 02/02/2001 (BL 242 → 246); bà T cũng xác định việc quy hoạch giải tỏa để xây dựng Khu công nghiệp B thì gia đình bà bị ảnh hưởng, nên bà đã xin đăng ký định cư ngày 02/02/2001 (BL 247). Sau khi có danh sách bồi hoàn thì bà T không đồng ý và khiếu nại và được Hội đồng đền bù giải tỏa mặt bằng xem xét giải quyết và thông báo cho bà biết. Như vậy, hộ bà T đã biết việc quy hoạch giải tỏa mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp B, tỉnh Vĩnh Long. Tuy nhiên, dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh này bị ngừng triển khai để chuyển chức năng của địa điểm khu công nghiệp này sang phục vụ du lịch, thương mại và đô thị; cho nên, ngày 23/9/2003 Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số: 3142/QĐ.UB về việc thu hồi và tạm giao quyền quản lý 673.384,9m² đất cho Ban Quản lý Dự án Quy hoạch các khu công nghiệp Vĩnh Long để xây dựng khu Đô thị mới Bắc Mỹ Thuận, trong đó thu hồi của hộ bà T diện tích 1.777,6m².

[4] Ngày 16/4/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số: 469/TTg-CN về việc cho phép đầu tư nhà máy bia tại tỉnh Vĩnh Long, cho nên ngày 29/02/2008 UBND tỉnh Vĩnh Long quyết định cho Công ty B thuê diện tích nêu trên và được UBND tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 108, tờ bản đồ số 3, diện tích 452.705,4m², nguồn gốc đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo Quyết định số: 339/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Long ngày 29/02/2008. Ngày 18/8/2008, UBND tỉnh Vĩnh Long thu hồi một phần diện tích đất đã cấp cho Công ty B, đến ngày 15/12/2011 Công ty B được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, diện tích đất còn lại 447.401m². Trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất theo Quyết định số 3142/QĐ.UB nêu trên và giao đất cho Công ty B theo hợp đồng thuê ngày 18/4/2008 thì hộ bà T không giao đất mà tiếp tục quản lý, sử dụng, cho nên ngày 16/02/2009 UBND thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long) ban hành Quyết định số: 271/QĐ-CC về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định 3142/QĐ.UB ngày 23/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long; việc cưỡng chế được tiến hành vào ngày 24/4/2009, đã tháo dỡ toàn

bộ căn nhà, vật kiến trúc và đồn bỏ cây trồng trên phần đất thu hồi của hộ bà T (BL 329). Tại văn bản số: 1353/UBND-NC, ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phúc đáp nội dung đơn khởi kiện dân sự của Công ty cổ phần B, đã khẳng định về trình tự, thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần B được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, xét về trình tự, thủ tục việc thu hồi đất và đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng là đúng theo quy định của pháp luật, vì được tiến hành công khai, đã thông báo cho các hộ dân bị giải tỏa biết, trong có hộ bà T, nên hộ bà T đã kiểm kê tài sản để đền bù và đã được thông báo về việc cưỡng chế để thu hồi đất theo Quyết định số 3142/QĐ.UB của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long, vả lại, Quyết định số 3142 nêu trên hiện nay vẫn còn hiệu lực thi hành, chưa bị hủy bỏ hoặc thay thế, cho nên, bà T cho rằng việc thu hồi đất là trái pháp luật và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty B không đúng và đề nghị hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty B là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét thấy, hộ bà T sau khi bị cưỡng chế tháo dỡ nhà, vật kiến trúc và đồn bỏ cây trồng trên diện tích 1.777,6m² đất bị thu hồi theo Biên bản ngày 24/4/2009 thì tiếp tục tái chiếm xây dựng nhà trên phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty B là trái pháp luật, cho nên, ngày 22/10/2009 UBND xã N lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai (BL 21) và ngày 30/10/2009 bà T bị xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai 300.000đ theo Quyết định số: 221/QĐ.XPHC của UBND xã N. Sau khi vận động hộ bà T tháo dỡ căn nhà không được nên Tổ thực hiện cưỡng chế đã tiến hành tháo dỡ căn nhà và giao toàn bộ tài sản cho con bà T (BL 11). Đến năm 2016, hộ bà T có ý định tiếp tục tái chiếm lần nữa nên đã tập kết cát, đá, đào các hố móng được UBND xã N lập Biên bản về việc kiểm tra xây dựng (BL 74); ngày 12/8/2016 Công ty B có Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về “*Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp*”, nên ngày 18/8/2016, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã ban hành Quyết định số: 1060/2016/QĐ-BPKCTT về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp*” đối với ông C, bà T, nhưng ông bà không chấp hành mà lại tiếp tục xây dựng hai căn nhà chính khung cột bê tông cốt thép, 02 căn nhà phụ khung cột gỗ và trồng cây trên diện tích 6.896,2m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty B. Từ những nhận định trên cho thấy, việc triển khai quy hoạch của tỉnh Vĩnh Long về Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Bắc Mỹ Thuận, cũng như việc thu hồi đất của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long để xây dựng khu đô thị mới Bắc Mỹ Thuận thì tất cả các hộ dân bị thu hồi đều biết và đều tích cực thực hiện việc bàn giao đất và nhận tiền đền bù giải tỏa, việc thu hồi này là thực hiện theo chủ trương của Chính phủ, vì lợi ích phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long. Tuy nhiên, chỉ một vài hộ dân không hợp tác thực hiện giao đất trong đó có hộ bà T, dẫn đến việc kê biên buộc tháo dỡ, nhưng hộ bà T vẫn cố tình tái chiếm sử dụng, mặc dù đã bị xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai và buộc tháo dỡ, nhưng sau đó hộ bà T vẫn tiếp tục tái chiếm sử dụng lần nữa để xây dựng nhà và trồng cây trên phần đất 6.896,2m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty B là trái với quy định tại Điều 12 của Luật Đất đai năm 2013 và

Điều 8 của Luật Nhà ở, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty B. Do đó, nguyên đơn yêu cầu hộ bà T phải tháo dỡ nhà, vật kiến trúc và tài sản gắn liền trên diện tích đất 6.896,2m² di dời đi nơi khác trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

[6] Xét về thời gian lưu cư, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi xây dựng nhà ở, vật kiến trúc và cây trồng của hộ bà T trên phần đất do Công ty B đứng tên là trái pháp luật; hơn nữa, trong quá trình tranh chấp Tòa án đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm ông C, bà T thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp nhưng hộ ông C, bà T không chấp hành, cho nên, không xem xét thời gian lưu cư cho hộ gia đình ông C, bà T.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Do không có ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về chi phí đo đạc, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ bằng 6.995.000đ (Sáu triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng), do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, cho nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ, cho nên, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[9] Về án phí: Xét thấy, ông C, bà T là người cao tuổi thuộc diện được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm d Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nhưng ông bà không có đơn đề nghị miễn theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết 326, cho nên, ông Trương Ngọc C và bà Dương Thị Hồng T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch bằng 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) theo quy định tại Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 186, Điều 227 và Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 12, Điều 56, Điều 102, Điều 166, Điều 170, Điều 202, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 8 của Luật Nhà ở năm 2005.

Áp dụng các Điều 155, Điều 163, Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần B, có ông Nguyễn Duy P làm đại diện.

Buộc hộ bà Dương Thị Hồng T gồm có bà T, ông Trương Ngọc C, **Trương Thị Thanh T**, Trương Ngọc Thanh T, Lê Thị Lan C, Trương Thị Thanh Đ và Trương Ngọc Thanh L có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời nhà, tài sản, vật kiến trúc và cây trồng **theo Biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2017 và các tài sản phát sinh sau ngày 13/7/2017 (nếu có)** gắn liền trên diện tích đất 6.896,2m² thuộc thửa 108, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 28/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long).

Buộc hộ bà Dương Thị Hồng T gồm có bà T, ông Trương Ngọc C, **Trương Thị Thanh T**, Trương Ngọc Thanh T, Lê Thị Lan C, Trương Thị Thanh Đ và Trương Ngọc Thanh L giao trả cho Công ty cổ phần B diện tích đất lần chiếm 6.896,2m² thuộc thửa 108, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 28/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long).

Trường hợp hộ bà Dương Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì Công ty cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tháo dỡ, di dời; nếu không tháo dỡ, di dời được thì đập phá, chặt hạ đối với nhà, tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền trên diện tích đất 6.896,2m² thuộc thửa 108, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 28/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 1060/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

2. Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Trương Ngọc C và bà Dương Thị Hồng T nộp 6.995.000đ (Sáu triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng) để trả lại cho Công ty cổ phần B.

3. Về án phí:

Buộc ông Trương Ngọc C và bà Dương Thị Hồng T nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần B tiền tạm ứng án phí tổng cộng bằng 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng) theo các biên lai thu số 0001722, ngày 02/6/2016 và 0003004, ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Võ Tấn Thành